

Số: 210/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Quyết T – sinh năm 1995

HKTT: P304 Nơ 1B BĐ L, phường H, quận H, thành phố H.

- Chị Trần Thị L – sinh năm 1998

HKTT: Thôn C, xã H, huyện P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Quyết T và Chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2022 tại UBND phường H, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, phong cách sinh hoạt dẫn đến nhiều cãi vã. Điều này làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng nhiều lần ngồi lại nói chuyện để giải quyết và cho nhau thêm cơ hội nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân kể từ tháng 9/2023. Anh T, Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài thêm mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng làm đơn thuận tình ly

hôn. Đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải mà xem xét giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

[2] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung Đỗ Anh Q – sinh ngày 01/09/2022. Anh, chị thoả thuận thống nhất giao con chung Đỗ Anh Q cho Chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi hoặc khi hai bên có thoả thuận khác.

[3] Về tài sản chung: Anh T, Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Anh T, Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận trên của anh chị được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Quyết T và Chị Trần Thị L cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, Chị L có 01 con chung là Đỗ Anh Q – sinh ngày 01/09/2022. Anh, chị thoả thuận và thống nhất giao con chung Đỗ Anh Q cho Chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Anh T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T, Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh T, Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Anh T đã nộp theo biên lai số 0011388 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, quận H, tp H (ĐKKH số 53/2022 ngày 04/5/2022)
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

T